

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ  
DU LỊCH PHÚ THỌ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Thành viên**

Ông Nguyễn Quốc Anh	Chủ tịch
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Chánh Lộc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Hoàng Văn Bá	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Chánh Lộc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dư Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Vũ Ngọc Sơn**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 31 tháng 3 năm 2016

SỐ  
/ N  
/ N  
/ N  
/ N  
/ N  
/ N  
/ N

Số: 660 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 10 và số 16, căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu sổ sách kế toán liên quan đến việc dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp này trong năm 2015. Theo đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” sẽ lần lượt tăng 7.040.000.000 đồng và 7.600.189.341 đồng và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 14.640.189.341 đồng. Đồng thời, các chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và “Chi phí tài chính” sẽ lần lượt tăng 7.040.000.000 đồng và 7.600.189.341 đồng và “Lợi nhuận kế toán trước thuế” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm 14.640.189.341 đồng.

002  
HÀNH  
TY  
EM HU  
DIT  
I NI  
TP.H



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như trình bày ở Thuyết minh số 01, Công ty đã hạch toán điều chỉnh số liệu sổ sách trong năm 2015 theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc cổ phần hóa doanh nghiệp nên số liệu về tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty có thể thay đổi khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Võ Thái Hòa**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 31 tháng 3 năm 2016  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2013-001-1







**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>161.811.170.628</b>	<b>179.605.396.094</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>159.140.053.669</b>	<b>177.715.744.627</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		11.271.617.432	15.771.852.988
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	10.122.269.911	8.629.134.770
3. Phải trả người lao động	314		13.901.411.552	12.600.874.713
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	70.511.053.048	64.251.139.291
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		53.333.701.726	76.462.742.865
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.671.116.959</b>	<b>1.889.651.467</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.315.036.959	926.651.467
2. Phải trả dài hạn khác	337		1.356.080.000	963.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>660.363.522.232</b>	<b>299.622.231.535</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>660.363.522.232</b>	<b>299.622.231.535</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		183.204.441.879	183.890.257.886
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		398.347.301.503	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	79.817.218.535
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.811.778.850	35.914.755.114
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		78.811.778.850	35.914.755.114
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>822.174.692.860</b>	<b>479.227.627.629</b>



Trương Thị Kim Phụng  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nguyên  
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2016

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		364.827.382.025	433.747.626.347
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	22	364.827.382.025	433.747.626.347
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	260.130.689.660	298.792.342.070
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		104.696.692.365	134.955.284.277
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	37.064.315.502	39.602.452.648
6. Chi phí tài chính	22	26	89.930.024	265.839.193
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	12.093.845
7. Chi phí bán hàng	25		16.283.682.013	16.773.834.551
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		15.874.793.388	15.873.066.630
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		109.512.602.442	141.644.996.551
10. Thu nhập khác	31	27	3.604.512.328	1.289.478.479
11. Chi phí khác	32	27	1.338.528.142	1.210.269.049
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	2.265.984.186	79.209.430
13. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		111.778.586.628	141.724.205.981
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	21.000.595.942	27.883.982.006
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		<u>90.777.990.686</u>	<u>113.840.223.975</u>

Trương Thị Kim Phụng  
Người lập biểuNguyễn Thị Nguyên  
Kế toán trưởngVũ Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

00  
Á  
NI  
TY  
H  
T  
NA  
H  
C



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**MẪU B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>111.778.586.628</b>	<b>141.724.205.981</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.589.601.342	25.182.737.136
Các khoản dự phòng	03	88.980.301	325.128.216
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.058.549.769)	(39.600.650.473)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>98.393.802.492</b>	<b>127.631.420.860</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.006.956.264)	787.264.198
Thay đổi hàng tồn kho	10	185.149.080	685.237.359
Thay đổi các khoản phải trả	11	(20.330.312.752)	(26.581.840.579)
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.409.109.134	(866.264.660)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.735.601.525)	(38.453.968.643)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(106.261.356.087)	(26.100.231.159)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(52.346.165.922)</b>	<b>37.101.617.376</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(26.561.427.267)	(25.207.471.799)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.403.381.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(92.867.766.000)	(58.838.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	173.043.000.000	82.878.000.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	37.584.280.260	39.600.650.473
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>92.601.468.629</b>	<b>38.433.178.674</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.912.815.722)	(88.463.441.240)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(21.912.815.722)</b>	<b>(88.463.441.240)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>18.342.486.985</b>	<b>(12.928.645.190)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>46.176.332.110</b>	<b>59.104.977.300</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.816.010	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>64.523.635.105</b>	<b>46.176.332.110</b>

  
 Trương Thị Kim Phụng  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Nguyên  
 Kế toán trưởng



  
 Vũ Ngọc Sơn  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là "Công ty") là một công ty được chuyển thể từ Công ty Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, một doanh nghiệp nhà nước có số đăng ký kinh doanh 102303 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 01 năm 1993. Sau đó, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn số 4104000184 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 7 năm 2006. Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 01 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 838 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 865 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các hoạt động hợp tác liên doanh sau:

<b>Tên liên doanh</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Nhà khách Thẻ thao Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp tác kinh doanh ăn uống và một số các dịch vụ khác tại Hoa viên Phú Thọ ở Số 215C Lý Thường Kiệt, Phường 5, Quận 11 thuộc khu dịch vụ phục vụ Trung tâm Thể dục Thể thao Phú Thọ của Sở Thể dục Thể thao Thành phố.
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Nhà hàng Hoài Phố	Kinh doanh quán ăn "Hội An" tại Công viên Đầm Sen ở Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Bà Văn Thị Hoa	Đầu tư nâng cấp và tổ chức khai thác kinh doanh trò chơi "Đu quay đứng" tại Công viên Đầm Sen ở Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ông Lê Tấn Cẩm	Đầu tư nâng cấp và tổ chức khai thác kinh doanh trò chơi "Khám phá thực tế ảo" tại Công viên Đầm Sen ở Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Ông Dương Phúc Lai	Hợp tác xây dựng và đưa vào kinh doanh loại hình trò chơi "Nhà hát mô phỏng không gian 3 chiều - 25 ghế" tại Công viên Đầm Sen ở Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Hợp tác đầu tư và kinh doanh loại hình trò chơi "Công viên Khủng Long" tại Công viên Đầm Sen ở Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH TM & DV Hải Thanh	Hợp tác xây dựng mới Thủy Cung Đầm Sen tại Công viên Đầm Sen ở Số 3 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau đây:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ hớt tóc; gội đầu;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế - nội địa;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé máy bay – tàu lửa – tàu thủy;
- Đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ về nhiếp ảnh;
- Kinh doanh bãi đậu xe;





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, trăn, rắn);
- Quản lý dự án cho thuê xe có động cơ;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình vui chơi, giải trí; sửa chữa nhà;
- Trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gây nuôi động vật hoang dã;
- Dịch vụ rửa xe;
- Tổ chức liên hoan, hội chợ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa; và
- Giữ rừng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại sổ sách kế toán trong năm 2015. Theo đó, tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 đã tăng lên với số tiền là 398.347.301.503 đồng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại ở một số chỉ tiêu để có thể so sánh với các số liệu trên báo cáo tài chính năm nay.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 6
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 3
Tài sản khác	2 - 3

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng và phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua hay giá đền bù và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng	5
Phần mềm quản lý	2

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Vào các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết:* Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

*Góp vốn liên doanh:* Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

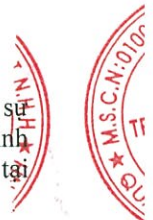
**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.





**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.870.924.031	3.648.973.689
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.652.711.074	1.087.358.421
Các khoản tương đương tiền	-	41.440.000.000
	<u><u>64.523.635.105</u></u>	<u><u>46.176.332.110</u></u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 5,8% một năm.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam với kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,0 tới 6,7% một năm (năm 2014: từ 4,5 tới 8,0% một năm).

125  
 HI  
 CÔ  
 ICHN  
 DE  
 VI  
 VI

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Khách sạn Ngọc Lan	30.400.000	50.642.000
Khách sạn Phú Thọ	72.680.000	54.215.000
Công viên Văn hóa Đầm Sen	77.802.500	330.353.800
Khu Du lịch Vàm Sát (Cần Giờ)	271.616.371	92.094.000
Nhà hàng Thủy Tạ	521.350.000	512.238.200
Trung tâm Du lịch Đầm Sen (Lữ hành)	113.325.000	126.983.000
Khác	194.040.000	36.800.000
	<u>1.281.213.871</u>	<u>1.203.326.000</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công viên Văn hóa Đầm Sen	240.000.000	-
	<u>240.000.000</u>	<u>-</u>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	10.960.656.948	10.960.656.948
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	7.019.620.832	7.545.351.323
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	10.201.935.600	4.534.193.600
Phải thu khác	1.044.314.141	480.607.204
	<u>29.226.527.521</u>	<u>23.520.809.075</u>

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá trị có thể			Giá trị có thể		
	Giá gốc <u>VND</u>	thu hồi <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	thu hồi <u>VND</u>	Dự phòng <u>VND</u>
Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	6.600.000.000	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-	(6.600.000.000)
Văn phòng Luật sư An Thái	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	(200.000.000)
Ông Võ Trung Thiệp	240.000.000	240.000.000	-	240.000.000	-	(240.000.000)
	<u>7.040.000.000</u>	<u>7.040.000.000</u>	<u>-</u>	<u>7.040.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(7.040.000.000)</u>

Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số tài khoản trên sổ sách kế toán trong năm 2015. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với số tiền là 7.040.000.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.430.154.842	2.442.512.273
Hàng hóa	1.593.955.771	1.766.747.420
	<u>4.024.110.613</u>	<u>4.209.259.693</u>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**  
Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**11. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dung cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	170.793.284.418	141.947.656.927	23.805.595.944	1.470.567.463	661.059.273	338.678.164.025
Tặng trong năm	-	1.653.740.000	2.805.804.888	80.500.000	-	4.540.044.888
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	18.223.318.828	3.779.970.095	16.363.636	-	-	22.019.652.559
Tặng do đánh giá lại giá trị tài sản liên quan đến cổ phần hóa	48.855.185.002	4.166.679.352	3.635.911.551	(27.715.349)	(58.000.000)	56.572.060.556
Thanh lý, nhượng bán	(524.095.330)	(220.594.000)	-	-	-	(744.689.330)
Giảm do bàn giao về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	(4.923.689.834)	(9.297.020.430)	(2.730.906.980)	(341.704.790)	-	(17.293.322.034)
Tại ngày 31/12/2015	232.424.003.084	142.030.431.944	27.532.769.039	1.181.647.324	603.059.273	403.771.910.664
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	111.079.548.258	132.418.726.687	20.686.800.611	1.376.964.640	661.059.273	266.223.099.469
Khấu hao trong năm	16.649.807.562	4.782.035.828	1.487.684.953	68.064.864	-	22.987.593.207
Tặng do đánh giá lại giá trị tài sản liên quan đến cổ phần hóa	(20.882.081.073)	(40.229.995.863)	(5.720.756.398)	(260.087.925)	(440.155.295)	(67.533.076.554)
Thanh lý, nhượng bán	(524.095.330)	(220.594.000)	-	-	-	(744.689.330)
Giảm do bàn giao về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	(4.923.689.834)	(8.793.343.332)	(2.730.906.980)	(341.704.790)	-	(16.789.644.936)
Tại ngày 31/12/2015	101.399.489.583	87.956.829.320	13.722.822.186	843.236.789	220.903.978	204.143.281.856
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2015	131.024.513.501	54.073.602.624	13.809.946.853	338.410.535	382.155.295	199.628.628.808
Tại ngày 31/12/2014	59.713.736.160	9.528.930.240	3.118.795.333	93.602.823	-	72.455.064.556

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 34.117.334.873 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 211.626.165.255 đồng).

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý VND	Chi phí đền bù nhà, giải phóng mặt bằng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.953.066.374	27.524.748.727	29.477.815.101
Tăng trong năm	64.000.000	-	64.000.000
Thanh lý trong năm	(163.838.886)	-	(163.838.886)
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.853.227.488</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>29.377.976.215</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.829.258.834	27.524.748.727	29.354.007.561
Khấu hao trong năm	98.331.037	-	98.331.037
Thanh lý trong năm	(163.838.886)	-	(163.838.886)
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.763.750.985</u>	<u>27.524.748.727</u>	<u>29.288.499.712</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2015	<u>89.476.503</u>	<u>-</u>	<u>89.476.503</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>123.807.540</u>	<u>-</u>	<u>123.807.540</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.150.192.215 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 29.289.031.101 đồng).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp các hạng mục thuộc Công viên Đầm Sen	2.712.575.726	2.686.452.774
Cải tạo, sửa chữa Nhà hàng Thủy tạ Đầm Sen	399.594.904	1.405.555.993
Cải tạo sửa chữa Khu du lịch Sinh thái Rừng ngập mặn Vàm Sát	1.737.283.386	803.838.310
Cải tạo sửa chữa Khách sạn Phú Thọ	28.288.202	350.545.703
Cải tạo mở rộng Nhà hàng Phong Lan	-	133.932.442
Cải tạo sửa chữa Khách sạn Ngọc Lan	356.315.854	56.796.486
Công trình khác	70.636.365	111.981.818
	<u>5.304.694.437</u>	<u>5.549.103.526</u>

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	160.113.711.500	29.223.410.000
	<u>160.113.711.500</u>	<u>29.223.410.000</u>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**

Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thông tin về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Số 03 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	33,54%	Dịch vụ giải trí, vui chơi, ăn uống và các dịch vụ khác

Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số tài khoản trên sổ sách kế toán trong năm 2015. Theo đó, giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tăng tương ứng với số tiền là 130.890.301.500 đồng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen.

**15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	23.163.275.000	23.163.275.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	6.000.000.000	6.000.000.000
	<u><u>29.163.275.000</u></u>	<u><u>29.163.275.000</u></u>

**16. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt (*)	-	6.225.123.517
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà (*)	-	1.626.072.919
	<u><u>-</u></u>	<u><u>7.851.196.436</u></u>

(\*) Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số tài khoản trên sổ sách kế toán trong năm 2015. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 7.851.196.436 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**

Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ lao động	1.868.552.050	1.785.765.733
Chi phí sửa chữa	112.287.379	29.160.000
Khác	96.887.454	143.617.529
	<u><b>2.077.726.883</b></u>	<u><b>1.958.543.262</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen (*)	6.995.003.594	6.995.003.594
Công cụ, dụng cụ	28.234.916.441	1.959.776.175
Sửa chữa lớn tài sản cố định	828.884.882	2.297.340.131
Chi phí lợi thế thương mại (**)	101.836.140.168	-
Khác	499.556.280	2.058.300.415
	<u><b>138.394.501.365</b></u>	<u><b>13.310.420.315</b></u>

(\*) Đây là chi phí của Công ty phát sinh trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007 của Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen được thành lập theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng đã ngừng hoạt động. Công ty tận dụng để cho thuê mặt bằng trong quá trình giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh của Hợp đồng góp vốn liên doanh này và khoản doanh thu cho thuê phát sinh tương ứng đang được ghi nhận vào khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 29.080.056.313 đồng.

(\*\*) Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015, đây là lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	2.315.738.601	22.780.977.363	(23.489.436.845)	1.607.279.119
Thuế tiêu thụ đặc biệt	172.212.421	1.818.002.725	(1.834.988.353)	155.226.793
Thuế thu nhập cá nhân	229.873.892	1.206.147.954	(1.578.533.120)	(142.511.274)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.236.868.856	21.000.595.942	(18.735.601.525)	8.501.863.273
Thuế đất	(326.106.000)	20.877.297.093	(20.551.191.093)	-
Thuế khác	547.000	420.997.816	(421.132.816)	412.000
	<u><b>8.629.134.770</b></u>	<u><b>68.104.018.893</b></u>	<u><b>(66.610.883.752)</b></u>	<u><b>10.122.269.911</b></u>

0-002  
 HÃNH  
 G TY  
 HEM HƯ  
 OIT  
 T NA  
 TP. H



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**

Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận phải trả cho Tổng Công ty, bao gồm:	37.279.174.582	28.703.963.805
<i>Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về Tổng Công ty</i>	<i>10.784.170.912</i>	-
<i>Tiền bán thanh lý tài sản Nhà hàng Phong Lan</i>	<i>411.189.930</i>	-
<i>Điều chuyển tài sản NHPL về TCT theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐTV</i>	<i>685.868.444</i>	-
<i>Bán hồ sơ thanh lý tài sản</i>	<i>4.800.000</i>	-
<i>Chuyển lợi nhuận bổ sung năm 2012 về Tổng Công ty</i>	<i>29.233.132</i>	<i>29.233.132</i>
<i>Chuyển lợi nhuận bổ sung năm 2013 về Tổng Công ty</i>	<i>363.912.164</i>	<i>363.964.601</i>
<i>Chuyển lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 về Tổng Công ty</i>	<i>7.951.913.250</i>	<i>28.310.766.072</i>
<i>Chuyển lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2014 về Tổng Công ty</i>	<i>17.048.086.750</i>	-
Các khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (*)	29.080.056.313	29.080.056.313
Ký quỹ ngắn hạn	1.392.377.300	2.907.608.637
Giá trị bảo hành của các hợp đồng xây dựng	1.265.461.183	1.586.214.740
Phải trả lợi nhuận chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Nhà khách Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	597.765.719	875.739.502
Nhận góp vốn liên doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Nhà khách Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	-	300.948.406
Phải trả doanh thu chia từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kiểm soát	-	298.497.073
Các khoản phải trả, phải nộp khác	896.217.951	498.110.815
	<u><u>70.511.053.048</u></u>	<u><u>64.251.139.291</u></u>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cho thuê mặt bằng tại số 3, Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	27.809.090.884	27.809.090.884
Doanh thu kinh doanh Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	1.170.965.429	1.170.965.429
Lãi vay phải trả	100.000.000	100.000.000
	<u><u>29.080.056.313</u></u>	<u><u>29.080.056.313</u></u>

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2015	31/12/2014
1. Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	3.924,55	2.348,11
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	21.923.110.429
	<u><u>-</u></u>	<u><u>21.923.110.429</u></u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
Số dư tại ngày 01/01/2014	183.890.257.886	33.978.509.625	-	-	97.234.329.119	315.103.096.630		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	113.840.223.975	113.840.223.975		
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	-	(9.485.720.271)	(9.485.720.271)		
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	45.838.708.910	-	-	(45.838.708.910)	-		
Trích phí phục vụ phát triển công nhân viên	-	-	-	-	(12.856.727.172)	(12.856.727.172)		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(32.324.258.115)	(32.324.258.115)		
Chuyển lợi nhuận bổ sung năm 2012 về Tổng Công ty	-	-	-	-	(29.233.132)	(29.233.132)		
Chuyển lợi nhuận năm 2013 về Tổng Công ty	-	-	-	-	(46.314.384.308)	(46.314.384.308)		
Chuyển lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 về Tổng Công ty	-	-	-	-	(28.310.766.072)	(28.310.766.072)		
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>183.890.257.886</b>	<b>79.817.218.535</b>	-	-	<b>35.914.755.114</b>	<b>299.622.231.535</b>		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	90.777.990.686	90.777.990.686		
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	-	(1.162.980.900)	(1.162.980.900)		
Phân chia lãi thanh lý Nhà hàng Phong Lan cho bên liên doanh	-	-	-	-	(390.982.000)	(390.982.000)		
Điều chuyển tài sản cố định về Tổng Công ty	(685.816.007)	-	-	-	-	(685.816.007)		
Đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa	-	-	-	398.347.301.503	-	398.347.301.503		
Điều chỉnh giá trị chi phí do cổ phần hóa	-	10.784.170.912	-	-	246.117.420	246.117.420		
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	(90.601.389.447)	-	-	(10.784.170.912)	-		
Chuyển quỹ đầu tư phát triển về Tổng Công ty	-	-	-	-	-	(90.601.389.447)		
Trích phí phục vụ phát triển công nhân viên	-	-	-	-	(10.214.695.168)	(10.214.695.168)		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban quản lý	-	-	-	-	(8.114.978.710)	(8.114.978.710)		
Phải trả tiền quyết toán bán thanh lý tài sản Nhà hàng Phong Lan về Tổng Công ty	-	-	-	-	(411.189.930)	(411.189.930)		
Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty	-	-	-	-	(17.048.086.750)	(17.048.086.750)		
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>183.204.441.879</b>	-	-	<b>398.347.301.503</b>	<b>78.811.778.850</b>	<b>660.363.522.232</b>		

Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015, một số tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2014 sẽ chuyển về cho Công ty mẹ - Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên quản lý. Theo đó, vốn thực góp của chủ sở hữu giảm đi tương ứng với số tiền 685.816.007 đồng. Đồng thời, giá trị tài sản của Công ty sau khi đánh giá lại cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp đã tăng lên 398.347.301.503 đồng.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Theo Nghị quyết định số 91/NQ-HĐTV ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên, các thành viên Hội đồng Thành viên đã thống nhất việc phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2014 sau khi trừ phí phục vụ và chia lại hợp tác kinh doanh như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành với số tiền tương ứng là 10.784.170.912 đồng và 8.114.978.710 đồng.
- Kết chuyển lợi nhuận còn lại của năm 2014 với số tiền 17.048.086.750 đồng về Công ty mẹ - Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên.

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc phân phối các quỹ theo như Nghị quyết nêu trên.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301074118 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 01 năm 2013, vốn điều lệ Công ty là 183.890.257.886 đồng. Chi tiết vốn góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	<u>183.890.257.886</u>	<u>100%</u>	<u>183.204.441.879</u>	<u>183.890.257.886</u>

Theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐTV của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ vào ngày 30 tháng 11 năm 2015, Công ty đã chuyển trả lại tài sản là Nhà hàng Phong Lan với số tiền là 685.816.007 đồng về Tổng Công ty.

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015 VND	2014 VND
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu ăn uống	127.679.013.789	180.779.038.488
Doanh thu vui chơi giải trí	187.855.974.363	201.714.065.854
Doanh thu phí phục vụ	13.095.763.036	16.482.983.554
Doanh thu phòng	8.856.966.144	8.885.171.238
Doanh thu lữ hành	14.754.011.933	12.178.880.022
Doanh thu bán hàng hóa	6.163.621.465	6.532.185.991
Doanh thu dịch vụ xoa bóp	4.947.020.480	5.959.876.412
Doanh thu đại lý vé máy bay	1.475.010.815	1.215.424.788
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u><b>364.827.382.025</b></u>	<u><b>433.747.626.347</b></u>
<i>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</i>	<i>358.663.760.560</i>	<i>427.215.440.356</i>
<i>Doanh thu thuần về bán hàng</i>	<i>6.163.621.465</i>	<i>6.532.185.991</i>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn kinh doanh ăn uống	104.376.242.155	143.529.417.525
Giá vốn kinh doanh vui chơi giải trí	127.519.090.429	127.090.379.218
Giá vốn kinh doanh phòng	7.425.929.290	8.363.050.813
Giá vốn kinh doanh lữ hành	14.612.037.718	12.250.290.283
Giá vốn bán hàng hóa	3.331.288.767	3.532.476.332
Giá vốn dịch vụ xoa bóp	1.433.629.165	2.835.333.470
Giá vốn đại lý vé máy bay	1.432.472.136	1.191.394.429
	<u><b>260.130.689.660</b></u>	<u><b>298.792.342.070</b></u>

11/12  
 CHI  
 CỘ  
 ÁCH N  
 DE  
 VI  
 17-

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**

Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.148.717.013	84.943.074.328
Chi phí nhân công	73.755.449.344	89.748.832.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.589.601.342	25.182.737.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.695.429.228	48.017.689.183
Chi phí khác	88.099.968.134	83.546.910.033
	<u><b>292.289.165.061</b></u>	<u><b>331.439.243.251</b></u>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	18.638.388.269	22.597.424.473
Cổ tức được chia	18.420.161.500	17.003.226.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.765.733	1.802.175
	<u><b>37.064.315.502</b></u>	<u><b>39.602.452.648</b></u>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	88.980.301	253.128.216
Chi phí lãi vay	-	12.093.845
Khác	949.723	617.132
	<u><b>89.930.024</b></u>	<u><b>265.839.193</b></u>

**27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.403.381.636	-
Khác	2.201.130.692	1.289.478.479
<b>Thu nhập khác</b>	<u><b>3.604.512.328</b></u>	<u><b>1.289.478.479</b></u>
Khác	1.338.528.142	1.210.269.049
<b>Chi phí khác</b>	<u><b>1.338.528.142</b></u>	<u><b>1.210.269.049</b></u>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<u><b>2.265.984.186</b></u>	<u><b>79.209.430</b></u>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**

Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21.000.595.942	27.684.885.027
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	199.096.979
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>21.000.595.942</u></b>	<b><u>27.883.982.006</u></b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm nay và năm trước được tính như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	111.778.586.628	141.724.205.981
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(18.420.161.500)	(17.003.226.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>2.098.829.153</u>	<u>1.119.406.505</u>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	95.457.254.281	125.840.386.486
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>21.000.595.942</u>	<u>27.684.885.027</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2014:22%) tính trên thu nhập chịu thuế.

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc phải trả được ghi nhận vì không có khoản chênh lệch đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trong báo cáo tài chính và căn cứ tính thuế được sử dụng trong việc tính lợi nhuận chịu thuế.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.523.635.105	46.176.332.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.924.884.444	14.308.426.208
Các khoản đầu tư tài chính	182.837.766.000	263.013.000.000
	<u><b>268.286.285.549</b></u>	<u><b>323.497.758.318</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	13.929.455.915	20.265.676.365
	<u><b>13.929.455.915</b></u>	<u><b>20.265.676.365</b></u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá hàng hóa) và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.





**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.523.635.105	-	64.523.635.105
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.547.084.444	1.377.800.000	20.924.884.444
Các khoản đầu tư tài chính	182.837.766.000	-	182.837.766.000
	<b>266.908.485.549</b>	<b>1.377.800.000</b>	<b>268.286.285.549</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	13.929.455.915	-	13.929.455.915
	<b>13.929.455.915</b>	<b>-</b>	<b>13.929.455.915</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>252.979.029.634</b>	<b>1.377.800.000</b>	<b>254.356.829.634</b>
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.176.332.110	-	46.176.332.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.473.026.208	835.400.000	14.308.426.208
Các khoản đầu tư tài chính	247.908.000.000	15.105.000.000	263.013.000.000
	<b>307.557.358.318</b>	<b>15.940.400.000</b>	<b>323.497.758.318</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	20.265.676.365	-	20.265.676.365
	<b>20.265.676.365</b>	<b>-</b>	<b>20.265.676.365</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>287.291.681.953</b>	<b>15.940.400.000</b>	<b>303.232.081.953</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên  
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chuyển lợi nhuận về cho công ty mẹ	17.048.086.750	74.654.383.512
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	18.420.161.500	17.003.226.000
<b>Mua hàng</b>		
Doanh số mua hàng từ Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	3.257.826.586	1.147.825.682
<b>Bán hàng</b>		
Doanh số bán hàng cho Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen		
Doanh thu Công viên Khủng Long	769.730.910	857.569.272
Doanh thu Dịch vụ vé cổng	-	440.212.048

01/12/25  
CHI M  
CÔN  
ÁCH NHI  
DEL  
VIỆT  
- TP

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>1.325.018.000</u>	<u>1.077.557.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	<u>10.786.255.600</u>	<u>4.534.193.600</u>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	37.279.174.582	28.703.963.805
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	<u>126.755.000</u>	<u>148.520.800</u>

**31. NỢ TIỀM TÀNG**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng góp vốn liên doanh thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt ký hợp đồng thuê tài sản từ một công ty cho thuê tài chính. Trong năm 1999, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt và công ty cho thuê tài chính đã xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng thuê tài sản đó. Theo Bản án số 02/2010/KDTM-PT ngày 12 tháng 01 năm 2010 do Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Sau đó, Công ty đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý.

Vụ án được Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 13 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án số 1457/2013/KDTM-ST quyết định Công ty có trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Công ty tiếp tục nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án để chờ kết quả định giá tài sản tranh chấp của Công ty Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam và Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại này khi lý do tạm đình chỉ không còn. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa nhận được quyết định cuối cùng của tòa án về khoản nợ tiềm tàng trong việc tranh chấp này, do đó Công ty chưa ghi nhận các khoản nợ tiềm tàng có thể phát sinh với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính này.





**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ**

Số 15, Đường số 2, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***32. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
<b>I. Tài sản</b>						
1. Đầu tư ngắn hạn	121	177.600.000.000	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	247.908.000.000	Phân loại lại
2. Phải thu khách hàng	131	1.203.326.000	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.203.326.000	Đổi tên
3. Các khoản phải thu khác	135	23.462.609.075	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	23.520.809.075	Phân loại lại và đổi tên
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(7.040.000.000)	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(7.040.000.000)	Đổi tên
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	58.200.000	5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	- Phân loại lại
6. Đầu tư dài hạn khác	258	114.576.275.000	6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	29.163.275.000	Phân loại lại và đổi tên
			7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15.105.000.000	Phân loại lại và đổi tên
7. Tài sản dài hạn khác	268	835.400.000	8. Phải thu dài hạn khác	216	835.400.000	Phân loại lại và đổi tên
<b>II. Nguồn vốn</b>						
1. Phải trả người bán	312	15.771.852.988	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15.771.852.988	Đổi tên
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	64.251.139.291	2. Phải trả ngắn hạn khác	319	64.251.139.291	Đổi tên
3. Vốn điều lệ	411	183.890.257.886	3. Vốn góp của chủ sở hữu	411	183.890.257.886	Đổi tên

  
Trương Thị Kim Phụng  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Nguyên  
Kế toán trưởng

  
Vũ Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2016

